

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 3 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Tấn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh
Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 190/2024/TLST-HNGĐ ngày
02 tháng 10 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các
đương sự:

- Nguyên đơn: bà Dư Nguyễn Tâm N, sinh năm 2002; nơi cư trú: tổ A, khu
phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt, (có đơn đề nghị xét
xử vắng mặt).

- Bị đơn: ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2002; nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện
B, tỉnh Bình Dương; hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam A, vắng mặt (có
đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Dư Nguyễn Tâm N trình bày:

Bà N và ông Nguyễn Ngọc H là vợ chồng. Bà N và ông H có đăng ký kết
hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh
Bình Dương vào ngày 14 tháng 7 năm 2022 theo Giấy chứng nhận kết hôn số
117/2022. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì phát

sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, không quan tâm, chăm sóc gia đình vợ con. Từ đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhiều hơn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình và không còn tin tưởng nhau trong cuộc sống, vợ chồng không còn yêu thương nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H.

Về con chung: bà N và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Dư Ngọc T, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2021. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Dư Ngọc T. Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy khai sinh Nguyễn Dư Ngọc T.

Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Ông H thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng như bà N trình bày, ông H xác nhận là đúng, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông H thì ông H có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông H đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: ông H đồng ý để bà N chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Dư Ngọc T. Ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông H ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại nơi cư trú được biết: bà N và ông H là vợ chồng, quá trình chung sống tại địa phương, bà N và ông H có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà N và ông H không trình báo nên địa phương không có thông tin.

Tại phiên tòa: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: căn cứ vào các Điều 55, 57, 58 và 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông H nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông H có nơi cư trú tại tổ Ấ, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn là bà N và bị đơn là ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: bà N và ông H tự nguyện kết hôn vào ngày 14 tháng 7 năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương vào ngày 14 tháng 7 năm 2022 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117/2022, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà N yêu cầu ly hôn với ông H với lý do: vợ chồng sống hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, ông H không quan tâm, chăm sóc gia đình vợ con; vợ chồng không còn tin tưởng nhau trong cuộc sống, vợ chồng không còn yêu thương nhau.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú được biết: bà N và ông H là vợ chồng, quá trình chung sống tại địa phương, bà N và ông H có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà N và ông H không trình báo nên địa phương không có thông tin

Quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn ông H xác nhận là vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông H đồng ý ly hôn với bà N. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, giữa bà N và ông H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích sống chung không có ý nghĩa, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên giữa bà N và ông H không có điều kiện hàn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N đối với ông H là có căn cứ để chấp nhận và phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: bà N và ông H có một con chung tên Nguyễn Dư Ngọc T, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2021. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Dư Ngọc T, ông H không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, bà N có công việc ổn định và hiện nay con chung đang sinh sống ổn định với bà N. Ông H đồng ý để bà N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, tiếp tục giao con chung cho bà N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là chính đáng và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: quá trình tiến hành tố tụng, bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung là cháu T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58 và 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dư Nguyễn Tâm N đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: bà Dư Nguyễn Tâm N được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: giao con tên Nguyễn Dư Ngọc T, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2021 cho bà Dư Nguyễn Tâm N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Ngọc H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình: bà Dư Nguyễn Tâm N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước

đây theo biên lai thu tiền số: 0003682 ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- UBND phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Thảo